

MẪU ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ KẾT QUẢ RÀ SOÁT, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA GIẤY PHÉP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

- Tình hình triển khai rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh theo danh mục ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.
- Kết quả rà soát, cần nêu rõ:
 - + Kết quả thống kê quy định, thủ tục hành chính liên quan đến giấy phép.
 - + Kết quả tổng hợp rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa (kèm theo chi tiết phương án đối với từng thủ tục hành chính).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA GIẤY PHÉP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LĨNH VỰC.....

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC,...)

a).....

Lý do:.....

b).....

Lý do:.....

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:

2.1. Nội dung đơn giản hóa (*nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC,...*)

a).....

Lý do:.....

b).....

Lý do:.....

2.2. Kiến nghị thực thi (*nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ*)

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (*kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ*)

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %./.